

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/LĐ-ST
Ngày 30-11-2021
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Cử nhân luật;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 55/2020/TLST-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-LĐ ngày 08/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-LĐ ngày 06/8/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 55/2021/TB-TA ngày 15/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

+ Công ty TNHH P; địa chỉ: 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tôn Thanh Th, sinh năm 1971; địa chỉ: 5/4 Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ: giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

+ Công ty TNHH P2; địa chỉ: Số 1191 Lê Đức Thọ, Phường 13, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tôn Thanh Th, sinh năm 1971; địa chỉ: 5/4 Nguyễn Văn Lương, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh B, địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Dương Văn Tr, địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh B; chức vụ: Nhân viên; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lâm Thị D trình bày:

Chị Lâm Thị D làm việc tại Công ty TNHH P2 (gọi tắt là Công ty P) từ ngày 21/10/2014, chức danh: lao động phổ thông, địa điểm làm việc: 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B. Giữa chị và Công ty P có ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng công ty đều trích giữ lại một phần lương của chị tương ứng với phần trăm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Mức lương cơ bản của chị D từ năm 2014 là 3.317.000 đồng/tháng, từ 01/01/2017 mức lương là 4.213.000 đồng/tháng.

Từ tháng 02/2018, chị được biết công ty chuyển sang loại hình pháp nhân là Công ty TNHH P. Chị D ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P và tiếp tục làm việc với chức danh: lao động phổ thông, cùng địa điểm làm việc như trên. Mức lương cơ bản của chị là 4.471.530 đồng/tháng.

Đến tháng 02/2019 do sức khỏe giảm sút nên chị D nộp đơn xin nghỉ việc và được công ty chấp nhận, chị chính thức nghỉ việc từ ngày 20/02/2019. Chị đã nhiều lần liên hệ công ty để làm các thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội nhưng công ty không thực hiện. Công ty TNHH P2 và Công ty TNHH P giữ toàn bộ các hợp đồng lao động ký kết với người lao động, chị chỉ được công ty giao 01 bản Hợp đồng lao động ngày 01/01/2016 giữa chị và Công ty TNHH P2.

Nay chị D khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH P2 xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho chị D từ tháng 1/2016 đến tháng 01/2018; Buộc Công ty TNHH P xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho chị từ tháng 02/2018 đến tháng 02/2019.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng lao động ngày 01/01/2016 giữa chị Lâm Thị D và Công ty TNHH P2; Sổ Bảo hiểm xã hội.

Các bị đơn Công ty TNHH P2 và Công ty TNHH P: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho các bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày

ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Tại bản tự khai ngày 29/12/2020, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D là anh Dương Văn Tr trình bày:*

Chi nhánh Công ty TNHH P2 bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) từ tháng 03/2011, tính đến tháng 11/2020 Chi nhánh Công ty TNHH P2 còn nợ số tiền 4.181.479.752 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 5/2016. Chi nhánh Công ty TNHH P2 tham gia BHXH cho chị Lâm Thị D tại BHXH thành phố D với số sổ 7412029615 từ tháng 5/2015 đến tháng 01/2018 (chưa chốt sổ). Về yêu cầu chốt sổ bảo hiểm xã hội của chị D tại Công ty TNHH P2 thì BHXH thành phố D có ý kiến: đề nghị Chi nhánh Công ty TNHH P2 thanh toán số tiền bảo hiểm còn nợ riêng của chị Lâm Thị D cho cơ quan BHXH thành phố D và làm hồ sơ bảo lưu BHXH lên BHXH thành phố D để bảo lưu sổ, trả sổ cho người lao động theo quy định.

Công ty TNHH P bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) từ tháng 02/2018. Tính đến tháng 11/2020 Công ty P Bình Dương còn nợ số tiền 3.478.381.449 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 02/2018. Công ty TNHH P tham gia BHXH cho chị D tại BHXH thành phố D từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019 (chưa chốt sổ bảo lưu). Đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, BHXH thành phố D đề nghị Công ty TNHH P thanh toán số tiền còn nợ BHXH, BHYT, BHTN tính riêng của chị D từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019 và làm hồ sơ bảo lưu BHXH gửi lên cơ quan BHXH thành phố D để chốt sổ cho chị D theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tới tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và các đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp lao động, cụ thể là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Bị đơn Công ty TNHH P có trụ sở tại

53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B; đối với bị đơn Công ty TNHH P2 thì nguyên đơn lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp là nơi tổ chức có chi nhánh, đồng thời cũng là nơi nguyên đơn làm việc tại số 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b, d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Các bị đơn Công ty TNHH P2 và Công ty TNHH P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Dĩ An có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn trình bày có phát sinh quan hệ lao động với các bị đơn từ tháng 5/2015 đến tháng 02/2019. Quá trình làm việc nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội. Quá trình tố tụng, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ là các bản hợp đồng lao động ký kết với nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp, đồng thời không cung cấp ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác lời khai của nguyên đơn phù hợp với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An, phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Như vậy có căn cứ xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau trên cơ sở hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Việc đóng và xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Từ tháng 01/2016 đến hết tháng 01/2018, Công ty TNHH P2 (chi nhánh Dĩ An) có tham gia BHXH cho chị D và từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019, Công ty TNHH P tham gia BHXH cho chị D tại BHXH thành phố D. Công ty TNHH P2 và Công ty TNHH P hàng tháng có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng vào quỹ BHXH. Nay nguyên đơn không còn làm việc tại công ty bị đơn, tuy nhiên bị đơn không đóng bảo hiểm xã hội, không lập thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn giai đoạn từ tháng 06/2016 đến tháng 01/2018 và từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019 là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ Luật lao động. Đối với khoảng thời gian từ tháng 01/2016 đến tháng 5/2016 và tháng 02/2018, các bị đơn đã đóng đủ BHXH cho người lao động nên không cần buộc bị đơn đóng BHXH cho thời gian này, bị đơn phải phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội để lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu xác nhận thời gian đóng bảo hiểm của tháng 02/2019 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên căn cứ vào hồ sơ

tại cơ quan BHXH thành phố D để xác định thời gian làm việc và tham gia BHXH của nguyên đơn là đến tháng 01/2019.

[3] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị D được miễn án phí. Bị đơn Công ty TNHH P2 và Công ty TNHH P phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 91, 144, 147, 235, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; căn cứ Điều 19 và Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị D đối với bị đơn Công ty TNHH P2 và bị đơn Công ty TNHH P về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”:

1.1. Buộc Công ty TNHH P2 phải đóng bảo hiểm xã hội cho chị Lâm Thị D trong khoảng thời gian làm việc từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2018 và lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Lâm Thị D từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2018.

1.2. Buộc Công ty TNHH P phải đóng bảo hiểm xã hội cho chị Lâm Thị D trong khoảng thời gian làm việc từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019 và lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Lâm Thị D từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị D về việc buộc bị đơn Công ty TNHH P xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của tháng 02/2019.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Chị Lâm Thị D được miễn án phí.
- Công ty TNHH P2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).
- Công ty TNHH P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP Dĩ An;
- Đường sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân